

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		733,876,529,912	1,275,567,789,700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48,647,228,793	336,882,059,451
1. Tiền	111		21,647,228,793	142,382,059,451
2. Các khoản tương đương tiền	112		27,000,000,000	194,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70,817,691,528	66,540,734,528
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	140,694,265,680	140,694,265,680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(69,876,574,152)	(74,153,531,152)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		563,925,585,433	845,245,523,518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	83,896,600,444	133,085,476,562
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	44,337,012,466	47,086,464,628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	196,110,000,000	133,545,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	249,946,354,534	684,682,533,411
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10,364,382,011)	(153,153,951,083)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5,071,759,204	32,185,773
1. Hàng tồn kho	141	V.8	5,071,759,204	32,185,773
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45,414,264,954	26,867,286,430
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	917,656,587	694,584,680
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.17a	42,628,014,105	24,367,464,665
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17a	1,868,594,262	1,805,237,085
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,520,525,925,776	5,560,236,939,168
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		68,005,000,000	37,005,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	68,005,000,000	37,005,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		559,019,943,385	376,074,711,779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	491,652,297,073	299,954,770,899
- Nguyên giá	222		682,505,304,776	473,009,010,811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190,853,007,703)	(173,054,239,912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	56,694,489,327	64,828,449,857
- Nguyên giá	225		92,987,286,021	92,987,286,021
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36,292,796,694)	(28,158,836,164)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10,673,156,985	11,291,491,023
- Nguyên giá	228		21,027,746,542	21,027,746,542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,354,589,557)	(9,736,255,519)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18,563,838,242	17,885,070,242
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	18,563,838,242	17,885,070,242
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4,845,434,003,182	5,099,008,826,299
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3,440,726,666,683	3,857,249,567,918
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,697,596,171,581	1,529,391,295,376
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	186,457,032,000	186,457,032,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(479,345,867,082)	(474,089,068,995)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29,503,140,967	30,263,330,848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	17,649,442,965	18,533,323,607
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	11,853,698,002	11,730,007,241
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,254,402,455,688	6,835,804,728,868

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,026,235,053,915	1,283,017,800,871
I. Nợ ngắn hạn	310		677,696,296,183	1,011,451,956,496
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	27,784,301,081	41,957,482,431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1,610,651,452	23,172,673,918
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17a,b	126,663,955,889	5,154,073,091
4. Phải trả người lao động	314	V.18	3,326,821,274	16,158,873,636
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	3,612,831,579	8,669,298,382
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,491,289,800	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	51,759,895,958	481,995,092,708
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	349,915,231,470	357,482,529,032
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	61,020,766,549	60,402,312,740
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	50,510,551,131	16,459,620,558
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		348,538,757,732	271,565,844,375
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	348,233,988,345	270,217,938,887
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	304,769,387	1,347,905,488
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5,228,167,401,773	5,552,786,927,997
I. Vốn chủ sở hữu	410		5,228,167,401,773	5,552,786,927,997
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2,882,769,570,000	2,882,769,570,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,882,769,570,000	2,882,769,570,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1,941,832,197,040	1,941,832,197,040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69,388,382,902	69,388,382,902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(211,683,336)	(482,399,072)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	72,682,100,796	72,682,100,796
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	69,568,035,889	69,568,035,889
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	192,138,798,482	517,029,040,442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	67,631,288,681
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		192,138,798,482	449,397,751,761
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,254,402,455,688	6,835,804,728,868

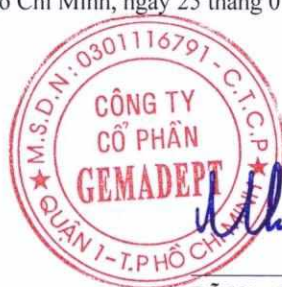
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2018



Phạm Quang Huy
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

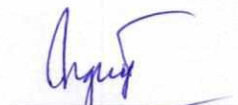
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH****Quý 2 năm 2018**

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	57,032,617,700	213,964,615,167	91,783,739,672	407,239,497,206
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	57,032,617,700	213,964,615,167	91,783,739,672	407,239,497,206
4	Giá vốn hàng bán	35,719,943,466	206,193,651,963	58,451,609,091	385,304,827,192
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	21,312,674,234	7,770,963,204	33,332,130,581	21,934,670,014
6	Doanh thu hoạt động tài chính	157,013,741,829	268,414,388,578	1,850,816,377,435	357,238,773,027
7	Chi phí tài chính	38,681,805,506	89,737,264,974	38,452,877,899	136,555,567,648
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	9,822,659,526	37,257,201,368	16,013,743,802	61,034,008,809
8	Chi phí bán hàng	161,472,631	2,667,136,430	318,076,949	4,938,920,820
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27,891,071,722	165,735,646,306	51,966,539,411	188,866,579,172
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	111,592,066,204	18,045,304,072	1,793,411,013,757	48,812,375,401
11	Thu nhập khác	1,323,051,251	21,598,871,054	4,591,893,365	23,733,457,477
12	Chi phí khác	235,713,566	-	506,093,062	63,524,662
13	Lợi nhuận khác	1,087,337,685	21,598,871,054	4,085,800,303	23,669,932,815
14	Lợi nhuận trước thuế	112,679,403,889	39,644,175,126	1,797,496,814,060	72,482,308,216
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(6,856,198,020)	424,504,833	209,123,096,352	824,993,674
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18,487,426	(348,055,767)	(1,167,006,862)	89,242,430
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	119,517,114,483	39,567,726,060	1,589,540,724,570	71,568,072,112

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2018


Phạm Quang Huy
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	1,797,496,814,060	72,482,308,216
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	28,855,224,655	35,857,907,101
- Các khoản dự phòng	03	16,228,082,882	215,846,386,825
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2,464,703,912	(5,941,428,007)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,837,226,240,141)	(345,605,403,600)
- Chi phí lãi vay	06	16,013,743,802	61,034,008,809
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23,832,329,170	33,673,779,344
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	14,260,594,829	22,456,228,806
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5,039,573,431)	(586,785,230)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(77,451,098,368)	(99,239,979,032)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1,503,492,607)	(5,201,814,550)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	2,064,388,947
- Tiền lãi vay đã trả	14	(15,476,663,831)	(12,002,986,894)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(86,632,031,323)	(1,575,299,730)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6,579,815,457)	(16,540,249,654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(154,589,751,018)	(76,952,717,993)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(211,809,631,886)	(28,718,513,100)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	17,326,589,573	44,523,901,819
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(109,330,000,000)	(102,000,000,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	46,765,000,000	-

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất (tiếp theo)**

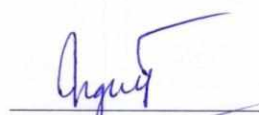
CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
5 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(76,833,533,255)	(48,094,600,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	2,039,432,819,630	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	399,400,592,918	302,314,210,440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2,104,951,836,980	168,024,999,159

III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	253,998,301,958	234,645,605,804
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	(176,306,659,975)	(267,280,026,552)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(10,356,196,331)	(9,706,593,051)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,306,202,021,600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,238,866,575,948)	(42,341,013,799)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(288,504,489,986)	48,731,267,367
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	336,882,059,451	74,289,026,051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	269,659,328	109,578,105
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	48,647,228,793	123,129,871,523

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2018


Phạm Quang Huy
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2018**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**
Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 051/GMD-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 về tái cấu trúc Công ty, thoái vốn tại một số công ty thành viên để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 49% vốn tại Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding và 50,9% vốn tại Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding. Đồng thời, Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding đã đổi tên thành Công ty TNHH CJ-Gemadept Shipping Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0314492497 sửa đổi lần 2 ngày 13/02/2018 và Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding đã đổi tên thành Công ty TNHH CJ-Gemadept Logistics Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314546921 sửa đổi lần 2 ngày 13/02/2018..
Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 và cổ tức đặc biệt năm 2017 bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 80%, tương đương 8.000 đồng/cổ phiếu.
Ngày 08/3/2018 Công ty đã hoàn tất giải thể công ty con là Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng.
Ngày 28/3/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã ra quyết định chấm dứt hoạt động và giải thể các công ty con tại Singapore là Gemadept (S) Pte.Ltd và Grand Pacific Shipping Pte.Ltd.
Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết (Xem thuyết minh số V.2b)

Các Đơn vị trực thuộc và chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	193C đại lộ Mao Tse Toung, Phường Beung Traback, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 Công ty có 166 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 169 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Quý 2 năm 2018 bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc quý. Trường hợp tại ngày kết thúc quý thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc quý.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, quý phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong quý và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc quý.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc quý và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc quý và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.773.742.938	2.928.760.727
Tiền gửi ngân hàng	18.873.485.855	138.837.242.396
Tiền đang chuyển	-	616.056.328
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	27.000.000.000	194.500.000.000
Cộng	48.647.228.793	336.882.059.451

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	53.177.982.800	(41.793.047.200)	94.971.030.000	50.379.141.600	(44.591.888.400)
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	17.052.096.000	(14.436.168.362)	31.488.264.362	15.799.832.700	(15.688.431.662)
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	587.216.500	(13.647.104.600)	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	485.250	(253.990)	650.218	512.500	(253.990)
Cộng	140.694.265.680	70.817.780.550	(69.876.574.152)	140.694.265.680	66.540.850.800	(74.153.531.152)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực Góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	80,40	80,40	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	35.000.000.000	35.000.000.000
Gemadept (S) Pte Ltd ⁽ⁱ⁾	-	-	-	15.207.300.000
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng ⁽ⁱ⁾	-	-	-	2.182.000.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	100,00	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	13,98	83.900.000.000	82.500.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	100,00	100,00	586.721.892.380	586.721.892.380
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	100,00	75,61	801.823.100.000	801.823.100.000
Công ty cổ phần Niềm Kiêu hãnh Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	35,36	221.642.245.550	183.045.245.550
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	100,00	10,00	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần ICD Nam Hải	65,00	65,00	78.000.000.000	78.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	60,00	60,00	360.000.000.000	360.000.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holding ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	267.797.641.500
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holding ⁽ⁱⁱ⁾	51,00	51,00	104.620.023.000	205.086.700.000
Cộng			3.440.726.666.683	3.857.249.567.918

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (i) Giám do giải thể công ty con.
- (ii) Giám do chuyển nhượng vốn góp.
- (iii) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (iv) Tăng do góp vốn bổ sung.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	45,00	45,00	62.538.064.097	62.538.064.097
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.143
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	32,25	32,25	393.773.440.000	393.773.440.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép	41,67	41,67	834.150.000.000	834.150.000.000
Công ty TNHH Golden Globe	40,00	40,00	89.355.403.136	89.355.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱ⁾	50,00	50,00	108.001.500.000	71.352.500.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holding ⁽ⁱⁱ⁾	49,10	49,10	131.555.876.205	-
Cộng			1.697.596.171.581	1.529.391.295.376

- (i) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (ii) Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng một phần vốn góp.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	165.581.032.000
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam ⁽ⁱ⁾	15.876.000.000	15.876.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	186.457.032.000	186.457.032.000

- (i) Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam đang hoàn tất các thủ tục giải thể

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(364.462.864.819)	(253.944.866.923)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(105.327.132.393)	(98.608.327.116)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(9.555.869.870)	(7.963.442.956)
Cộng	(479.345.867.082)	(474.089.068.995)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất		
Chi phí dịch vụ	15.111.407	1.727.086.555
Doanh thu dịch vụ	317.454.545	317.454.545
Chi phí lãi vay	68.888.889	-
Chi hộ	635.803.143	-
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.		
Cổ tức được chia	-	7.329.473.030
Chi phí dịch vụ đại lý	-	164.864.279
Gemadept (S) Pte. Ltd.		
Chi hộ	-	2.493.778.720
Chi phí dịch vụ	-	23.564.771.000
Thu hộ	-	4.696.095.405
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Cho vay	94.000.000.000	69.000.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản	13.750.029.325	20.091.636.364
Doanh thu dịch vụ	-	1.073.341.281
Lãi cho vay	1.181.253.575	309.944.444
Chi phí dịch vụ	-	4.722.144.260
Lợi nhuận được chia	-	29.000.000.000
Chi hộ	78.612.488	140.934.362
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.647.045.455	1.333.045.455
Chi hộ	947.071.190	2.526.084.619
Bán tài sản cố định	-	392.500.000
Doanh thu dịch vụ	75.035.026	7.802.285.800
Chi phí dịch vụ	-	216.681.818
Thu hộ	18.788.600.876	20.898.834.970
Vay	-	35.000.000.000
Lãi cho vay	299.916.438	100.111.111

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho vay	5.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>		
Doanh thu dịch vụ	-	50.492.046.508
Doanh thu cho thuê tài sản	3.253.090.909	9.828.090.909
Chi phí dịch vụ	-	54.419.431.175
Chi hộ	32.165.631	54.955.834
Lợi nhuận được chia	-	9.000.000.000
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.160.000.000	2.160.000.000
Cổ tức được chia	5.520.000.000	6.624.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Cổ tức được chia	28.000.000.000	47.309.685.023
Doanh thu dịch vụ	-	3.065.279.000
Chi phí dịch vụ	-	7.274.100.540
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Lãi vay	-	3.270.555.557
Chi phí dịch vụ	-	1.278.501.161
Doanh thu cho thuê tài sản	1.752.862.258	8.461.344.182
Cổ tức được chia	-	152.381.452.500
Vay	17.000.000.000	130.000.000.000
Chi phí lãi vay	547.730.973	-
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Lợi nhuận được chia	-	2.000.000.000
Vay	5.000.000.000	18.500.000.000
Lãi vay	246.575.342	67.333.333
Chi hộ	-	139.708.462
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	201.962.899	204.828.423
Góp vốn	1.400.000.000	-
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i>		
Chi hộ	1.008.395.280	661.545.735
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Chi hộ	-	22.815.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần Niềm Kiêu hãnh Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	38.597.000.000	48.094.600.000
Thu hộ	-	566.531.235
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Doanh thu dịch vụ	32.185.775	2.652.955.489
Chi phí dịch vụ	240.084.687	137.476.807
Bán tài sản cố định	305.000.000	-
<i>Công ty TNHH ISS – Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	7.983.500	-
<i>Công ty Cổ phần ICD Nam Hải</i>		
Lãi cho vay	3.401.108.067	2.271.333.333
Cho vay	7.000.000.000	33.000.000.000
Chi phí dịch vụ	-	396.001.172
Doanh thu cho thuê tài sản	840.000.000	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	-	4.270.640
Cổ tức được chia	55.324.920.000	82.987.380.000
Vay	80.000.000.000	-
Lãi vay	804.821.918	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	132.000.000	132.000.000
Lãi vay	639.917.450	611.043.350
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	154.820.000	154.820.000
Góp vốn	36.649.000.000	-
Vay	15.000.000.000	-
Lãi vay	174.246.575	-
<i>Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực</i>		
Cổ tức được chia	-	1.072.446.000
<i>Công ty TNHH Golden Globe</i>		
Chi hộ	-	4.762.800.000
<i>Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	1.157.040.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Cho vay	330.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.952.941.071	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M		
Lợi nhuận được chia	7.000.000.000	-
Vay	1.000.000.000	-
Lãi vay	8.493.150	-
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng		
Cổ tức được chia	170.117.283	-
Công ty cổ phần Mekong Logistics		
Cho vay	3.000.000.000	-
Lãi cho vay	70.767.123	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Chi hộ	2.154.921.568	-
Doanh thu dịch vụ	433.598.529	-
Doanh thu cho thuê tài sản	28.618.525.464	-
Thu hộ	19.198.327.935	-
Chi phí dịch vụ	157.905.136	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	37.363.887.289	73.959.210.315
Công ty TNHH cảng Phước Long	102.730.156	17.144.944.275
Các bên liên quan khác	37.261.157.133	56.814.266.040
Phải thu các khách hàng khác	46.532.713.155	59.126.266.247
Cộng	83.896.600.444	133.085.476.562
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
ReefertecPte Ltd	-	2.648.145.963
Smartz Pte Ltd	1.440.740.762	1.440.740.762
Các nhà cung cấp khác	42.896.271.704	42.997.577.903
Cộng	44.337.012.466	47.086.464.628

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên liên quan vay	185.110.000.000	122.545.000.000
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	88.000.000.000	81.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	92.000.000.000	26.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	13.765.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.110.000.000	1.780.000.000
Công ty cổ phần Mekong Logistics	3.000.000.000	-
Các tổ chức khác vay	11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	196.110.000.000	133.545.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	185.767.859.254	619.574.542.241
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Các khoản chi hộ dự án cao su	80.311.948.800	79.470.251.520
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Lợi nhuận được chia và các khoản chi hộ	182.196.568	21.225.867.164
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Ký quỹ thuê tàu	-	29.458.000.000
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Các khoản chi hộ	-	113.372.510.867
Các bên liên quan khác	105.273.713.886	376.047.912.690
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	64.178.495.280	65.107.991.170
Tạm ứng	38.552.661.850	38.172.040.862
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	2.989.108.754	4.808.856.213
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	22.636.724.676	22.127.094.095
Cộng	249.946.354.534	684.682.533.411

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sài Gòn Xanh – Hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.000.000.000	-
Các khoản ký quỹ	5.000.000	5.000.000
Cộng	68.005.000.000	37.005.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(153.153.951.083)	(10.218.852.716)
(Tăng)/giảm trong kỳ	142.789.569.072	(140.368.282.142)
Số cuối kỳ	(10.364.382.011)	(150.587.134.858)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu	948.854.552	-	-	-
Hàng hóa	4.122.904.652	-	32.185.773	-
Cộng	5.071.759.204	-	32.185.773	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	722.958.147	379.051.790
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	194.698.440	315.532.890
Cộng	917.656.587	694.584.680

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi thuê tài chính container	15.537.339.932	17.701.641.274
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.112.103.033	831.682.333
Cộng	17.649.442.965	18.533.323.607

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.051.904.132	4.474.472.564	456.794.195.174	5.688.438.941	473.009.010.811
Tăng trong kỳ	-	-	212.299.532.886	-	212.299.532.886
Giảm trong kỳ	-	-	(2.807.748.521)	-	(2.807.748.521)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	3.000.000	1.509.600	4.509.600
Số cuối kỳ	6.051.904.132	4.474.472.564	666.288.979.539	5.689.948.541	682.505.304.776

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	5.709.464.200	4.392.026.030	157.406.813.484	5.545.936.198	173.054.239.912
Tăng trong kỳ	171.981.780	6.883.110	19.889.784.287	34.280.910	20.102.930.087
Giảm trong kỳ	-	-	(2.308.671.902)	-	(2.308.671.902)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	3.000.000	1.509.606	4.509.606
Số cuối kỳ	5.881.445.980	4.398.909.140	174.990.925.869	5.581.726.714	190.853.007.703
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	342.439.932	82.446.534	299.387.381.690	142.502.743	299.954.770.899
Số cuối kỳ	170.458.152	75.563.424	491.298.053.670	108.221.827	491.652.297.073

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 366.254.153.374 VND và 351.481.885.673 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (xem thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	92.987.286.021
Tăng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	92.987.286.021
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	28.158.836.164
Tăng trong kỳ	8.133.960.530
Số cuối kỳ	36.292.796.694
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	64.828.449.857
Số cuối kỳ	56.694.489.327

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.271.530.010	19.756.216.532	21.027.746.542
Số cuối kỳ	1.271.530.010	19.756.216.532	21.027.746.542
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	9.736.255.519	9.736.255.519
Khấu hao trong kỳ	-	618.334.038	618.334.038
Số cuối kỳ	-	10.354.589.557	10.354.589.557
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.271.530.010	10.019.961.013	11.291.491.023
Số cuối kỳ	1.271.530.010	9.401.626.975	10.673.156.985

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	-	630.000.000
Phần mềm Oracle	1.355.175.442	-	-	-	1.355.175.442
Phần mềm Lemon HR	-	738.768.000	-	-	738.768.000
Chi phí mua cầu, xe nâng, sà lan, tàu container	15.839.894.800	208.302.552.001	(208.302.552.001)	-	15.839.894.800
Chi phí khác	60.000.000	-	-	(60.000.000)	-
Cộng	17.885.070.242	209.041.320.001	(208.302.552.001)	(60.000.000)	18.563.838.242

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	19.699.786.048	17.109.663.290
<i>Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept</i>	<i>4.818.872.648</i>	<i>3.846.876.833</i>
<i>Các bên liên quan khác</i>	<i>14.880.913.400</i>	<i>13.262.786.457</i>
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.084.515.033	24.847.819.141
<i>Phnom Penh Autonomous Port</i>	<i>-</i>	<i>13.638.422.452</i>
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	<i>8.084.515.033</i>	<i>11.209.396.689</i>
Cộng	27.784.301.081	41.957.482.431

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	17.879.882.833
Các khách hàng khác	1.610.651.452	5.292.791.085
Cộng	1.610.651.452	23.172.673.918

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**17a. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước tại Việt Nam**

- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	Số đầu năm	Số được khấu trừ trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT được khấu trừ	24.367.464.665	28.167.424.978	(9.906.875.538)	42.628.014.105
Cộng	24.367.464.665	28.167.424.978	(9.906.875.538)	42.628.014.105

- Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	18.955.942.068	(18.955.942.068)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	52.737.517	(52.737.517)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.423.731.360	-	208.613.913.129	(86.439.600.984)	126.598.043.505	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.491.568.682	61.525.878.419	(61.558.321.981)	-	1.524.012.244
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Thuế GTGT nhà thầu	31.664.943	-	811.074.264	(796.526.373)	46.212.834	-
Thuế TNDN nhà thầu	506.246.449	-	1.743.935.190	(2.281.095.254)	-	30.913.615
Các loại thuế khác	-	313.668.403	11.900.000	(11.900.000)	-	313.668.403
Cộng	4.961.642.752	1.805.237.085	291.721.380.587	(170.102.124.177)	126.644.256.339	1.868.594.262

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII quý họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	192.430.339	19.699.550	(192.430.339)	19.699.550
Cộng	192.430.339	19.699.550	(192.430.339)	19.699.550

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	308.350.190	6.285.908.465
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay phải trả	308.350.190	6.285.908.465
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	3.304.481.389	2.383.389.917
Chi phí lãi vay phải trả	810.802.081	712.249.966
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.493.679.308	1.671.139.951
Cộng	3.612.831.579	8.669.298.382

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	17.738.123.202	15.868.236.755
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác	321.868.893	321.868.893
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – Phải trả tiền hỗ trợ vốn	-	4.595.839.422
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng – Phải trả tiền hỗ trợ vốn	-	2.142.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept – Các khoản thu hộ và phải trả khác	1.677.414.393	1.677.414.393
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Thu hộ, lãi vay	6.957.478.025	512.320.855
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ – Lãi vay	-	197.916.667
Phải trả các bên liên quan khác	8.781.361.891	6.420.876.525
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	34.021.772.756	466.126.855.953
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	225.978.320	464.090.084
Cổ tức phải trả	208.326.750	432.610.127.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	33.587.467.686	33.052.638.019
Cộng	51.759.895.958	481.995.092.708

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	276.357.853.440	302.776.728.013
Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	247.357.853.440	244.776.728.013
Vay Công ty cổ phần cảng Nam Hải-Đình Vũ	17.000.000.000	50.000.000.000
Vay Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	11.000.000.000	8.000.000.000
Vay Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	1.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	73.557.378.030	54.705.801.019
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	19.127.886.823
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	5.998.301.958	729.387.696
Vay dài hạn đến hạn trả	45.962.938.572	13.477.740.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	21.596.137.500	21.370.786.500
Cộng	349.915.231.470	357.482.529.032

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	292.439.019.285	204.349.060.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	90.000.000.000	100.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱⁱ⁾	202.439.019.285	104.349.060.000
Nợ thuê tài chính	55.794.969.060	65.868.878.887
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	55.794.969.060	65.868.878.887
Cộng	348.233.988.345	270.217.938.887

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn được đảm bảo bằng việc thế chấp cổ phiếu SCSC.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình để đầu tư mua tàu Green Pacific và Pride Pacific. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị.

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.347.905.488	9.845.668.171
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.043.136.101)	68.627.303
Số cuối kỳ	304.769.387	9.914.295.474

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

25. Vốn chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu	2.882.769.570.000	2.882.769.570.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(211.683.336)	(482.399.072)
Quỹ đầu tư phát triển	72.682.100.796	72.682.100.796
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.568.035.889	69.568.035.889
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	192.138.798.482	517.029.040.442
Cộng	5.228.167.401.773	5.552.786.927.997

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	288.276.957	288.276.957
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	288.276.957	288.276.957
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	288.276.957	288.276.957
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	288.276.957	288.276.957
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý....	91.783.739.672	407.239.497.206
Cộng	91.783.739.672	407.239.497.206

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý...	58.451.609.091	385.304.827.192
Cộng	58.451.609.091	385.304.827.192

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	11.518.213.280	181.627.527
Lãi tiền cho vay	5.392.442.463	3.345.714.765
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.642.835.053
Cổ tức, lợi nhuận được chia	99.170.369.783	339.702.877.852
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	1.731.957.209.714	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.778.142.195	12.365.717.830
Cộng	1.850.816.377.435	357.238.773.027

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.013.743.802	61.034.008.809
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.226.382.827	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
Dự phòng (hoàn nhập) các khoản đầu tư tài chính	16.187.141.087	75.478.104.683	
Chi phí tài chính khác	25.610.183	43.454.156	
Cộng	38.452.877.899	136.555.567.648	
5. Chi phí bán hàng			
Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.			
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
Chi phí nhân viên quản lý	22.578.335.073	22.612.256.788	
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	603.981.703	477.024.020	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.854.259.773	2.744.643.702	
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	40.941.795	140.368.282.142	
Chi phí thuê văn phòng	10.508.751.806	10.604.986.320	
Chi phí khác	15.380.269.261	12.059.386.200	
Cộng	51.966.539.411	188.866.579.172	
7. Thu nhập khác			
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
Lãi thanh lý tài sản cố định	706.218.181	2.556.810.983	
Hoàn nhập dự phòng phải trả tiền chậm nộp thuế	-	21.054.124.191	
Các khoản thu nhập khác	3.885.675.184	122.522.303	
Cộng	4.591.893.365	23.733.457.477	
8. Chi phí khác			
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
Các khoản chi phí khác	506.093.062	63.524.662	
Cộng	506.093.062	63.524.662	
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố			
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.351.134.264	95.474.893.462	
Chi phí nhân công	25.696.496.944	37.418.026.283	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.855.224.655	35.857.907.101	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.950.937.465	256.159.292.283	
Chi phí khác	13.882.432.123	154.200.208.055	
Cộng	110.736.225.451	579.110.327.184	
10. Giải trình biến động lợi nhuận quý 2 năm 2018			
	Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	119.517.114.483	39.037.709.423	80.479.405.060

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

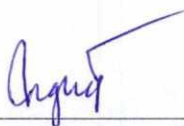
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2018 đạt trên 119 tỷ đồng, tăng hơn 80 tỷ đồng so với quý 2 năm 2017 chủ yếu do lợi nhuận từ việc chuyển nhượng vốn trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2018



Phạm Quang Huy

Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh

Tổng Giám đốc

